



Tuần 14 (04/04-08/04/22)
BSC WEEKLY REVIEW
*Sự đảo ngược của đường cong
lợi tức trái phiếu chính phủ Mỹ*



NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *Canh trading ở nhịp VN-Index test đỉnh kỷ lục*
2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Sự đảo ngược của đường cong lợi tức trái phiếu chính phủ Mỹ*
3. PTKT VN-INDEX: *VN-Index bất ngờ vượt kênh kháng cự, tăng điểm trong nghi ngờ*
4. TIN VĨ MÔ: *GDP quý I tăng 5.03% so với cùng kỳ năm trước*
5. THỐNG KÊ KHUYẾN NGHỊ BÁO CÁO TUẦN: *4/5 khuyến nghị chưa chốt có hiệu suất dương*
6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Công nghệ Thông tin 13.38%*
7. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN: *ETF Diamond, Fubon tăng quy mô*
8. PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU: *PDR, DRC*
9. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: Canh trading ở nhịp VN-Index test đỉnh kỷ lục

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1516.44	1.20%
GTGD/phiên (tỷ VND)	24,830.64	4.65%
Khối ngoại (tỷ VND)	815.76	
HNX-INDEX	454.10	-0.17%
GTGD/phiên (tỷ VND)	3667.33	2.02%
Khối ngoại (tỷ VND)	-27.10	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4545.86	0.34%	0.06%	5.01%
EU (EURO STOXX)	3918.68	0.41%	1.32%	10.20%
China (SHCOMP)	3282.72	0.94%	0.94%	-4.78%
Japan (NIKKEI)	27665.98	-0.56%	-1.72%	4.10%
Korea (KOSPI)	2739.85	-0.65%	0.38%	-0.26%
Singapore (STI)	3419.11	0.31%	0.16%	5.96%
Thailand (SET)	1701.31	0.36%	1.46%	1.77%
Phillipines (PCOMP)	7152.88	-0.70%	0.39%	-2.58%
Malaysia (KLCI)	1602.41	0.95%	-0.06%	-0.10%
Indonesia (JCI)	7078.76	0.10%	1.09%	2.17%
Vietnam (VNIndex)	1516.44	1.63%	1.20%	0.74%

HĐTL	Điểm số	± Basis	GTGD* / phiên	HĐM^ / phiên
VN30F2204	1525.00			
VN30F2205	1518.20			
VN30F2206	1518.00			
VN30F2209	1520.10			

TTCK VIỆT NAM

TT bất ngờ vượt cản trong bối cảnh thông tin tiêu cực bủa vây.

Mặc dù xuất hiện nhiều thông tin tiêu cực, VN-Index vẫn bất ngờ vượt 1,510 – 1,515 điểm với sự hỗ trợ của các cổ phiếu lớn Ngành tiêu dùng bán lẻ (VNM, MWG, SAB), Ngân hàng (VPB, MBB, VIB) và công nghệ (FPT). VN-Index tăng 1.2% cho dù có đến 55% cổ phiếu và 10/19 ngành giảm điểm. Chỉ số tăng điểm trong bối cảnh tâm lý của NĐT nhỏ lẻ đang bị thử thách trước nhiều thông tin dồn dập. Dòng tiền chuyển dịch sang dòng cổ phiếu lớn gần đỉnh kỷ lục đang là diễn biến rất đáng chú ý trong nhiều tuần nay và hứa hẹn khả năng tạo đà kiểm tra đỉnh 1,530 điểm trong tuần tới.

GDP quý I ước tăng 5.03% yoy, cao hơn tốc độ của 2 năm gần nhất. Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 7.07% yoy. Triển vọng kinh tế tích cực kéo theo số lượng doanh nghiệp mở mới tăng 96.3%. Đầu tư toàn xã hội tăng 8.9% yoy, trong đó tổng vốn FDI tăng 12.1%. XK tăng 12.9% và xuất siêu 0.8 tỷ USD. PMI tháng 3 giảm từ 54.3 xuống 51.7 điểm. CPI tăng 1.92%. Nhìn chung các chỉ tiêu vĩ mô quý I cho thấy kinh tế vĩ mô khá ổn định, các động lực tăng trưởng duy trì nhưng chưa có sự bứt phá rõ rệt do phần lớn cấu phần của gói hỗ trợ chính sách tài khoản tiền tệ chưa kịp triển khai trong quý I. Lạm phát có dấu hiệu tăng nhanh và vẫn trong tầm kiểm soát. Lạm phát vẫn là vấn đề cần lưu tâm trong năm 2022 khi áp lực chi phí đẩy, gián đoạn chuỗi cung ứng và xung đột địa chính trị từ thế giới sẽ tác động lại nền kinh tế có độ mở cao như Việt Nam.

TTCK THẾ GIỚI

Lợi suất trái phiếu kỳ hạn 10 năm của Hoa Kỳ thấp hơn kỳ hạn 2 năm lần đầu tiên từ tháng 9/2019 vào 29/3 (Tham khảo chuyên đề tuần)

Phố Wall ghi nhận quý giảm mạnh nhất trong 2 năm cho dù đã hồi phục trong 2 tuần cuối tháng. Đơn xin trợ cấp thất nghiệp cao hơn 1 chút dự báo và chênh lệch đường cong lãi suất thu hẹp kìm hãm đà hồi phục khiến cho các chỉ số CK Hoa Kỳ đi ngang trong tuần qua. Các TTCK chủ chốt Châu Âu và Châu Á (bao gồm Trung Quốc) đều duy trì mức tăng tích cực. Giá dầu giảm mạnh -12.9% xuống dưới 100 USD/thùng kéo theo nhiều hàng hóa giảm theo lấy đi toàn bộ mức tăng 4.2% của chỉ số hàng hóa Bcom Index trong tuần trước. Thị trường hàng hóa, đặc biệt là dầu thô vẫn đang có những biến động tăng giảm thất thường và khó dự báo.

IMF cho rằng các biện pháp trừng phạt về tài chính nhằm vào Nga có thể từng bước giảm vai trò chủ đạo USD và khiến hệ thống tiền quốc tế trở nên rời rạc hơn. Đa dạng hóa các tài sản dự trữ chắc chắn xảy ra cùng với đó tài chính kỹ thuật số cũng được thúc đẩy. Nhận định này đưa ra trong bối cảnh Nga ra tối hậu thư yêu cầu nước ngoài mua khí đốt Nga phải trả bằng Rúp kể từ 1/4 nếu không nguồn cung cắt giảm một nửa trong khi Nga và Ấn Độ thảo luận về “SWIFT mới” để thanh toán bằng đồng rúp. Cuộc xung đột trên thực địa có phần lắng dịu, thì cuộc chiến cung cấp khí và dầu của Nga cho các đối tác thì vẫn chỉ mới bắt đầu và sẽ còn ảnh hưởng không nhỏ đến diễn biến giá dầu và khí trong ngắn và trung hạn.

Chú thích: * tỷ VNĐ
^ hợp đồng



CHUYÊN MỤC TUẦN: Sự đảo ngược của đường cong lợi tức trái phiếu chính phủ Mỹ

Nhiều nền kinh tế trên thế giới tiếp tục trải qua giai đoạn đầy biến động khi ghi nhận mức lạm phát cao kỷ lục bên cạnh những yếu tố bất ổn như: căng thẳng địa chính trị giữa các quốc gia, đại dịch COVID-19 vẫn đang diễn biến phức tạp... Một số NHTW lớn trên thế giới đã bắt đầu hành động nâng lãi suất nhằm ngăn chặn đà tăng giá cũng như đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô. Trong quá khứ, đường cong lợi tức trái phiếu chính phủ Mỹ đảo ngược là một trong những tín hiệu đáng lo ngại cho nền kinh tế Mỹ nói riêng – điều này có tác động ra sao đến nền kinh tế thế giới và TTCK Việt Nam trong thời gian tới?

1. Lịch sử các đợt đảo ngược của đường cong lợi tức trái phiếu chính phủ Mỹ

Bảng 1: Tổng hợp các giai đoạn đường cong lợi tức TPCP Mỹ đảo ngược và giai đoạn suy thoái từ 1975 – nay

Lần	Đường cong lợi tức trái phiếu Mỹ đảo ngược			Giai đoạn suy thoái			Khoảng thời gian bắt đầu suy thoái và bắt đầu đường cong đảo ngược (Tháng)	Tỷ lệ thất nghiệp cao nhất ghi nhận (%)	Một số sự kiện quan trọng
	Bắt đầu	Kết thúc	Thời gian (tháng)	Bắt đầu	Kết thúc	Thời gian (tháng)			
Lần 1	18/08/1978	25/04/1980	21	01/1980	07/1980	6	17	7.8%	Cuộc cách mạng tại Iran và căng thẳng giữa Iran-Iraq giai đoạn 1979-1980 đã đẩy giá dầu thế giới tăng với tốc độ chóng mặt. Đây chính là tiền đề cho cuộc khủng hoảng kéo dài 30 tháng tại Mỹ và được coi là lần suy thoái tồi tệ nhất kể từ đại khủng hoảng 1930.
Lần 2	12/09/1980	16/07/1982	22	07/1981	11/1982	16	10	10.8%	Ngày 30/03/1981, Tổng thống Ronald Reagan bị bắn, kéo theo bất ổn chính trị tại Mỹ. Đây là lần suy thoái kinh tế kéo dài qua hai nhiệm kỳ tổng thống Mỹ.
Lần 3	16/12/1988	23/03/1990	15	07/1990	03/1991	8	19	7.8%	Ngày thứ hai đen tối, tháng 9/1987 chứng kiến đà sụt giảm chưa từng có của chỉ số Dow Jones là tín báo hiệu thời kỳ suy thoái tồi tệ nước Mỹ. Chỉ trong ba năm, sự sụp đổ của thị trường tín dụng, và cho vay đã đe dọa tiền tiết kiệm của hàng triệu người dân. Một loạt cường quốc chịu nhiều ảnh hưởng của Mỹ như Canada, Australia, Nhật, hay Anh cũng bị cuốn theo vòng xoáy suy thoái.
Lần 4	12/06/1998	22/12/2000	31	03/2001	11/2001	8	33	6.3%	Mở đầu từ cuộc khủng hoảng bong bóng dot.com và vụ tấn công khủng bố 11/09/2001 tại Mỹ
Lần 5	30/12/2005	01/06/2007	17	12/2007	06/2009	18	23	10.0%	Khủng hoảng tài chính toàn cầu xuất phát từ cuộc khủng hoảng nợ dưới chuẩn tại Mỹ bên cạnh khủng hoảng giá dầu 2007 khiến nền kinh tế thế giới trải qua giai đoạn đầy bất ổn.
Lần 6	30/08/2019	06/09/2019							T12/2019 Đại dịch Covid bắt đầu bùng phát tại Vũ Hán, Trung Quốc khiến thế giới bước vào giai đoạn đầy căng thẳng
Trung bình (tháng)			21.20			11.20	20.40		

Đánh giá: Lợi tức trái phiếu có kỳ hạn dài thông thường sẽ có lợi tức cao hơn so với các trái phiếu có kỳ hạn ngắn điều này cho thấy các nhà đầu tư kỳ vọng vào một khoản lợi nhuận lớn hơn trong tương lai tuy nhiên khi lợi tức trái phiếu ngắn hạn trả mức lợi tức cao hơn trái phiếu dài hạn (đường cao lợi tức đảo ngược) hàm ý cho thấy thị trường đang rơi vào trạng thái bất ổn và có thể dẫn đến suy thoái kinh tế. Trong 05 đợt suy thoái gần nhất, thời gian trung bình các đợt đảo ngược lợi tức là **21.2** tháng và nền kinh tế bước vào trạng thái suy thoái trung bình sau **20.4** tháng kể từ khi đường cong có dấu hiệu đảo ngược với thời gian các cuộc suy thoái trung bình là **11.2** tháng;

Nguồn: Tổng hợp, BSC Reseach



CHUYÊN MỤC TUẦN: Sự đảo ngược của đường cong lợi tức trái phiếu chính phủ Mỹ

Bảng 2: Diễn biến chỉ số S&P 500, tăng trưởng GDP của Mỹ qua các lần đường cong đảo ngược và suy thoái từ 1975 - nay

	Đường cong lợi tức đảo ngược						Giai đoạn suy thoái					
Lần 1	Lần 1: Từ T08/1979 - 04/1980						Lần 1: Từ T01/1980 - T07/1980					
Diễn biến S&P 500	Bắt đầu	Kết thúc		Min	Max		Bắt đầu	Kết thúc		Min	Max	
Thời gian	T0-1W	18/08/1978	25/04/1980	17/11/1978	08/02/1980		T0-1W	01/1980	07/1980	18/04/1980	18/07/1980	
	T0	T1	T1+1W				T0	T1	T1+1W			
S&P 500 (điểm)	103.96	104.73	105.16	94.42	117.95		107.84	106.52	120.78	100.55	122.04	
So sánh với T0 (+/- %)			0.41%	-9.84%	12.62%				13.39%	-5.60%	14.57%	
Khoảng thời gian so với T0 (Tháng)		21		3	18			6		4	7	
Tăng trưởng GDP	Bắt đầu	Kết thúc		Min	Max		Bắt đầu	Kết thúc		Min	Max	
Thời gian (Quý)	Q2/1978	Q3/1978	Q2/1980	Q2/1980	Q4/1978		Q4/1979	Q1/1980	Q3/1980	Q2/1980	Q1/1980	
	T0-1Q	T0	T1	T1+1Q			T0-1Q	T0	T1	T1+1Q		
Mức tăng trưởng (%)	16.5	4	-7.9	-0.6	-7.9	5.5	1	1.3	-0.6	7.6	-7.9	1.3
Khoảng thời gian so với T0 (Quý)		7	8	7	1			2	3	1	0	
Lần 2	Lần 2: Từ T09/1980 - 07/1982						Lần 2: Từ T07/1981 - T11/1982					
Diễn biến S&P 500	Bắt đầu	Kết thúc		Min	Max		Bắt đầu	Kết thúc		Min	Max	
Thời gian	T0-1W	12/09/1980	16/07/1982	06/08/1982	28/11/1980		T0-1W	07/1981	11/1982	06/08/1982	05/11/1982	
	T0	T1	T1+1W				T0	T1	T1+1W			
S&P 500 (điểm)	124.88	125.54	130.76	103.71	140.52		132.56	128.64	134.88	103.71	142.16	
So sánh với T0 (+/- %)			4.16%	-17.39%	11.93%				4.85%	-19.38%	10.51%	
Khoảng thời gian so với T0 (Tháng)		22		23	3			16		13	16	
Tăng trưởng GDP	Bắt đầu	Kết thúc		Min	Max		Bắt đầu	Kết thúc		Min	Max	
Thời gian (Quý)	Q2/1980	Q3/1980	Q3/1982	Q1/1982	Q1/1981		Q2/1981	Q3/1981	Q4/1982	Q1/1982	Q3/1981	
	T0-1Q	T0	T1	T1+1Q			T0-1Q	T0	T1	T1+1Q		
Mức tăng trưởng (%)	-7.9	-0.6	-1.4	-6.5	8.5		8.5	4.7	0.4	-6.5	4.7	
Khoảng thời gian so với T0 (Quý)		8	9	6	2			5	6	2	0	
Lần 3	Lần 3: Từ T12/1988 - 03/1990						Lần 3: Từ T07/1990 - T03/1991					
Diễn biến S&P 500	Bắt đầu	Kết thúc		Min	Max		Bắt đầu	Kết thúc		Min	Max	
Thời gian	T0-1W	16/12/1988	23/03/1990	16/12/1988	06/10/1989		T0-1W	07/1990	03/1991	12/10/1990	01/03/1991	
	T0	T1	T1+1W				T0	T1	T1+1W			
S&P 500 (điểm)	277.03	276.29	337.22	276.29	358.78		358.02	358.42	375.22	300.03	375.22	
So sánh với T0 (+/- %)			22.05%	0.00%	29.86%				4.69%	-16.29%	4.69%	
Khoảng thời gian so với T0 (Tháng)		15		0	10			8		3	8	
Tăng trưởng GDP	Bắt đầu	Kết thúc		Min	Max		Bắt đầu	Kết thúc		Min	Max	
Thời gian (Quý)	Q3/1988	Q4/1988	Q1/1990	Q4/1989	Q4/1988		Q1/1990	Q2/1990	Q1/1991	Q4/1990	Q2/1990	
	T0-1Q	T0	T1	T1+1Q			T0-1Q	T0	T1	T1+1Q		
Mức tăng trưởng (%)	2.3	5.4	4.5	0.9	5.4		4.5	1.6	-1.9	-3.4	1.6	
Khoảng thời gian so với T0 (Quý)		5	6	4	0			3	4	2	0	

CHUYÊN MỤC TUẦN: Sự đảo ngược của đường cong lợi tức trái phiếu chính phủ Mỹ

	Đường cong lợi tức đảo ngược						Giai đoạn suy thoái					
Lần 4	Lần 4: Từ T06/1998 - 12/2000						Lần 4: Từ T03/2001 - T11/2001					
Diễn biến S&P 500	Bắt đầu		Kết thúc		Min	Max	Bắt đầu		Kết thúc		Min	Max
Thời gian	12/06/1998		22/12/2000		04/09/1998	24/03/2000	03/2001		11/2001		21/09/2001	18/05/2001
	T0-1W	T0	T1	T1+1W			T0-1W	T0	T1	T1+1W		
S&P 500 (điểm)	1,113.86	1,098.84	1,305.97	1,320.28	973.89	1,527.46	1,245.86	1,234.18	1,139.45	1,158.31	965.80	1,291.96
So sánh với T0 (+/- %)			18.85%	20.15%	-11.37%	39.01%			-7.68%	-6.15%	-21.75%	4.68%
Khoảng thời gian so với T0 (Tháng)			31		3	22			8		7	3
Tăng trưởng GDP	Bắt đầu		Kết thúc		Min	Max	Bắt đầu		Kết thúc		Min	Max
Thời gian (Quý)	Q1/1998	Q2/1998	Q4/2000	Q1/2001	Q3/2000	Q2/2000	Q4/2000	Q1/2001	Q4/2001	Q1/2002	Q3/2001	Q2/2001
	T0-1Q	T0	T1	T1+1Q			T0-1Q	T0	T1	T1+1Q		
Mức tăng trưởng (%)	4	3.9	2.3	-1.1	0.5	7.8	2.3	-1.1	1.1	3.7	-1.3	2.1
Khoảng thời gian so với T0 (Quý)			10	11	9	8			3	4	2	1
Lần 5	Lần 5: Từ T12/2005 - 06/2007						Lần 5: Từ T12/2007 - T06/2009					
Diễn biến S&P 500	Bắt đầu		Kết thúc		Min	Max	Bắt đầu		Kết thúc		Min	Max
Thời gian	30/12/2005		01/06/2007		14/07/2006	01/06/2007	12/2007		06/2009		06/03/2009	07/12/2007
	T0-1W	T0	T1	T1+1W			T0-1W	T0	T1	T1+1W		
S&P 500 (điểm)	1,268.66	1,248.29	1,536.34	1,507.67	1,236.20	1,536.34	1481.14	1504.66	918.9	896.42	683.38	1504.66
So sánh với T0 (+/- %)			23.08%	20.78%	-0.97%	23.08%			-38.93%	-40.42%	-54.58%	0.00%
Khoảng thời gian so với T0 (Tháng)			17		7	17			18		15	0
Tăng trưởng GDP	Bắt đầu		Kết thúc		Min	Max	Bắt đầu		Kết thúc		Min	Max
Thời gian (Quý)	Q3/2005	Q4/2005	Q2/2007	Q3/2007	Q1/2007	Q1/2006	Q3/2007	Q4/2007	Q2/2009	Q3/2009	Q4/2008	Q2/2008
	T0-1Q	T0	T1	T1+1Q			T0-1Q	T0	T1	T1+1Q		
Mức tăng trưởng (%)	3.4	2.3	3.1	2.7	0.2	4.9	2.7	1.4	-0.5	1.3	-8.2	2
Khoảng thời gian so với T0 (Quý)			6	7	5	1			6	7	4	2

*Ghi chú: dữ liệu S&P 500, lợi tức TPCP Mỹ dữ liệu theo tuần, tốc độ tăng trưởng GDP thực tế (QoQ)

Nguồn: Bloomberg, BSC Research



CHUYÊN MỤC TUẦN: Sự đảo ngược của đường cong lợi tức trái phiếu chính phủ Mỹ

Nhận xét: Từ năm 1970 đến nay, nền kinh tế Mỹ đã trải qua 06 đợt đường cong lợi tức trái phiếu đảo ngược (giữa kỳ hạn 10 năm và 2 năm) – một chỉ báo quan trọng trước khi nền kinh tế Mỹ bước vào giai đoạn suy thoái. Trong 05 lần đảo ngược đường cong lợi tức TTCK giảm nhẹ với mức giảm trung bình là 7.91% tuy nhiên khi bước giai đoạn khủng hoảng TTCK đã chịu tác động mạnh hơn (giảm trung bình 23.52%) đồng thời nền kinh tế Mỹ cũng chứng kiến sự giảm tốc khi tốc độ tăng trưởng GDP có sự sụt giảm trung bình lần lượt là 2.56% và 5.46% trong giai đoạn đường cong đảo ngược và thời kỳ suy thoái.

Đối với đợt đảo ngược lợi tức lần 6 (từ T08-T09/2021) với thời gian khá ngắn - do Chính phủ và các NHTW trên thế giới thực hiện các biện pháp mạnh mẽ để kích thích nền kinh tế nhằm hạn chế sự ảnh hưởng của đại dịch Covid-19.

Bảng 3: Tổng hợp diễn biến S&P 500 và tăng trưởng GDP qua các đợt

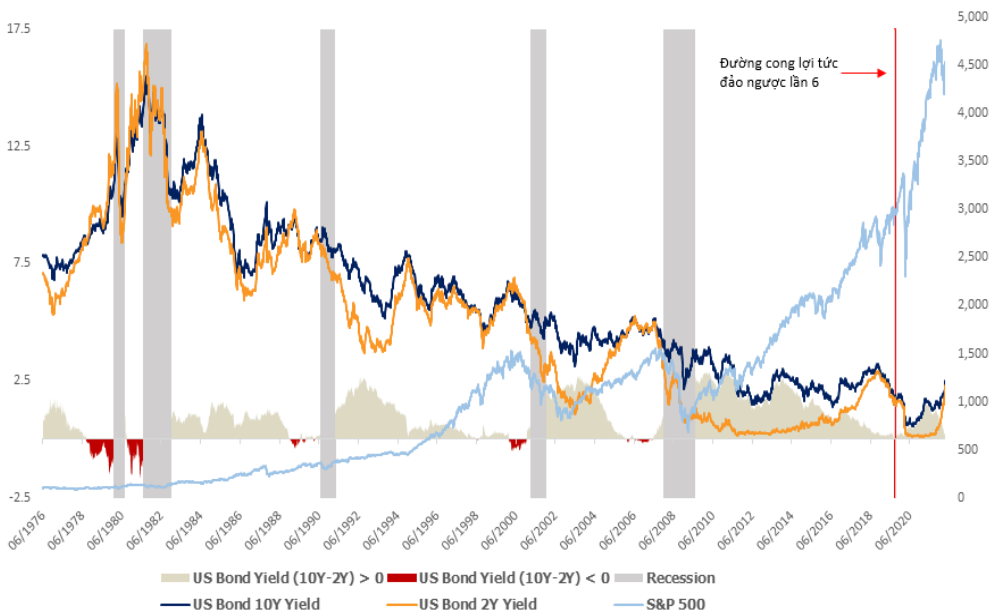
Lần	Diễn biến chỉ số S&P 500				Diễn biến tăng trưởng GDP			
	Đường cong lợi tức đảo ngược		Giai đoạn suy thoái		Đường cong lợi tức đảo ngược		Giai đoạn suy thoái	
	Mức giảm lớn nhất (%)	Khoảng thời gian bắt đầu đảo ngược đến khi giảm lớn nhất (tháng)	Mức giảm lớn nhất (%)	Khoảng thời gian bắt đầu suy thoái đến khi giảm lớn nhất (tháng)	Mức tăng trưởng thấp nhất (%)	Khoảng thời gian bắt đầu đảo ngược đến khi giảm lớn nhất (Quý)	Quý tăng trưởng thấp nhất (%)	Khoảng thời gian bắt đầu suy thoái đến khi giảm lớn nhất (Quý)
Lần 1	-9.84%	3	-5.60%	4	-7.9	7	-7.9	1
Lần 2	-17.39%	23	-19.38%	13	-6.5	6	-6.5	2
Lần 3	0.00%	0	-16.29%	3	0.9	4	-3.4	2
Lần 4	-11.37%	9	-21.75%	7	0.5	9	-1.3	2
Lần 5	-0.97%	7	-54.58%	15	0.2	5	-8.2	4
Trung bình	-7.91%	8.4	-23.52%	8.4	-2.56	6.2	-5.46	2.2

*Ghi chú:

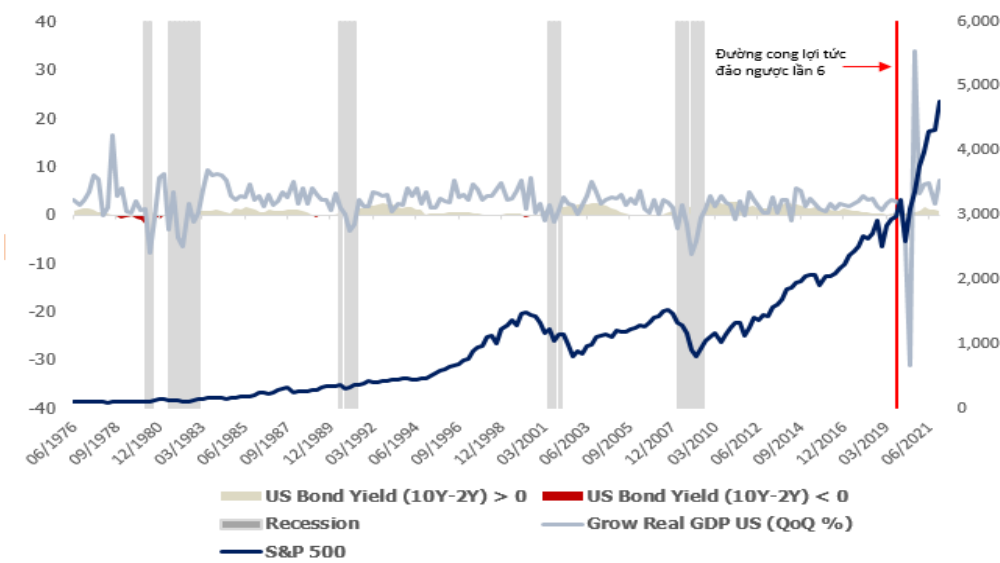
- Biểu đồ 1: Dữ liệu S&P 500, lợi tức TPCP Mỹ dữ liệu theo tuần

- Biểu đồ 2: Tốc độ tăng trưởng GDP thực tế (QoQ) tuần

Biểu đồ 1: S&P 500 và các đợt đảo ngược đường cong lợi tức từ 1975 - nay



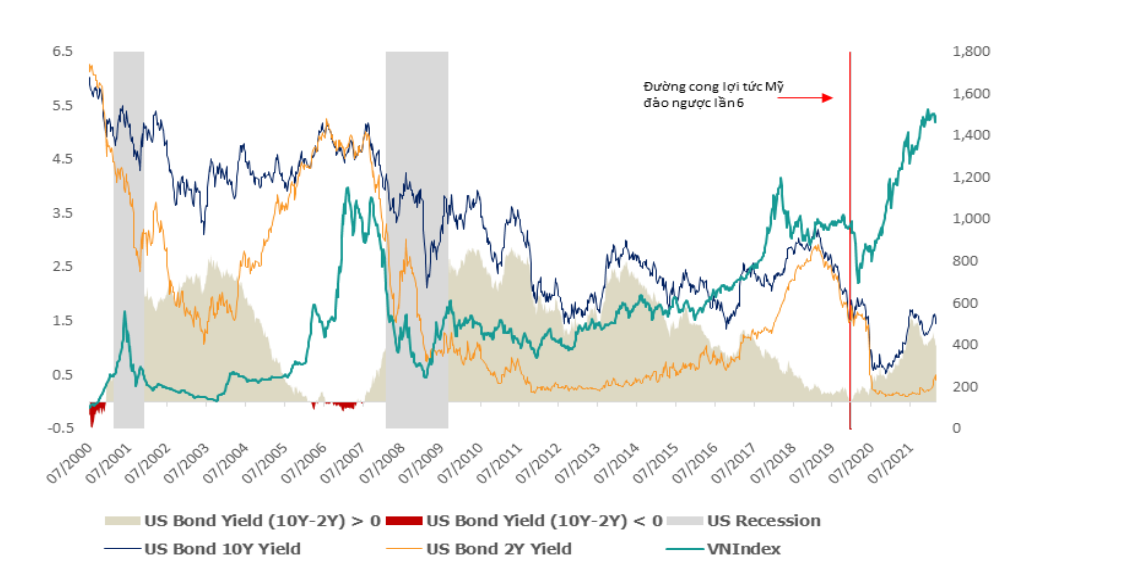
Biểu đồ 2: Diễn biến S&P 500 và tốc độ tăng trưởng GDP US từ 1975 - nay



CHUYÊN MỤC TUẦN: Sự đảo ngược của đường cong lợi tức trái phiếu chính phủ Mỹ

2. Liên hệ tại Việt Nam

Đồ thị 3: VN-Index và các đợt đảo ngược đường cong lợi tức từ 2000 - nay

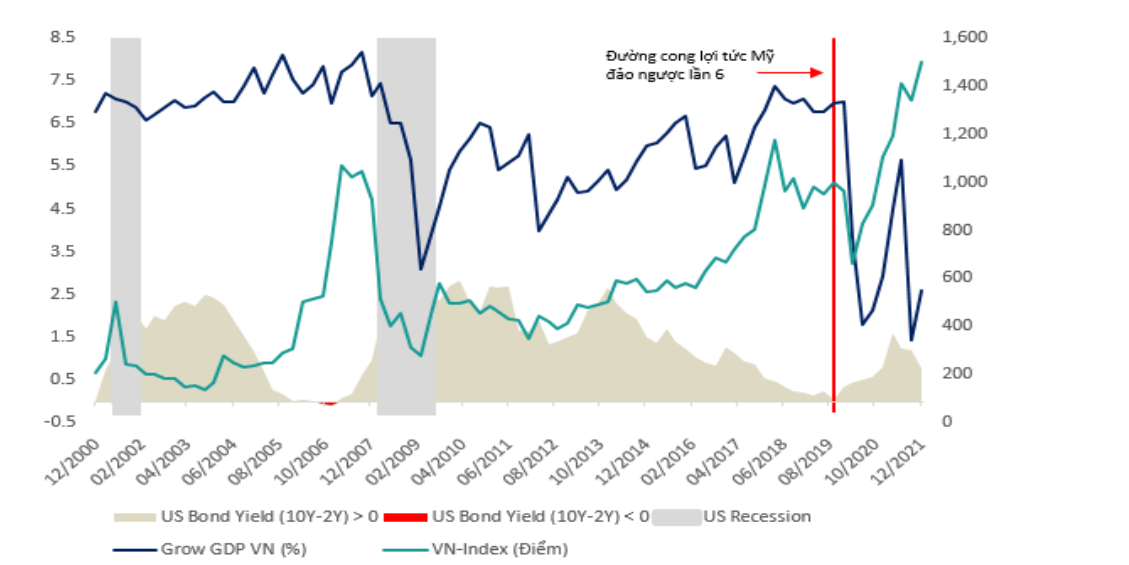


*Ghi chú: Dữ liệu theo tuần Nguồn: Bloomberg, BSC Reseach

Nhận xét: Nền kinh tế Việt Nam nói chung và TTCKVN nói riêng kể từ khi chính thức giao dịch (28/07/2000) đã trải qua 3 đợt đường cong lợi tức Mỹ đảo ngược. Tốc độ tăng trưởng GDP và chỉ số VN-Index hầu như không chịu ảnh hưởng trong giai đoạn đường cong đảo ngược nhưng có chung xu hướng giảm khi nền kinh tế Mỹ bước vào giai đoạn suy thoái. Đặc biệt là cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu giai đoạn 2007-2009 và giai đoạn dịch bệnh COVID-19 bùng phát đã chứng kiến mức sụt giảm sâu của nền kinh tế và chỉ số VN-Index.

Trước tín hiệu đường cong lợi tức TPCP Mỹ (kỳ hạn 10 năm và 2 năm) đang có dấu hiệu đảo chiều bên cạnh hành động nâng lãi suất điều hành của các NHTW trên thế giới (đặc biệt là FED) trong bối cảnh giá cả hàng hóa các mặt hàng đang ở mức cao và những bất ổn, xung đột chính trị vẫn chưa có dấu hiệu hạ nhiệt sẽ khiến triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu và Việt Nam nói riêng đứng trước những thách thức không nhỏ trong thời gian tới khi độ mở của nền kinh tế lớn và Mỹ là một trong những thị trường xuất khẩu quan trọng hàng đầu của Việt Nam.

Đồ thị 4: Diễn biến VN-Index và tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam từ 2000 - nay



*Ghi chú: Dữ liệu theo Quý, tốc độ tăng trưởng GDP svck năm trước nguồn FiinPro Nguồn: Bloomberg, BSC Reseach

Bảng 4: Tổng hợp diễn biến VN-Index và tăng trưởng GDP qua các đợt từ 2000 - 2021

	Diễn biến chỉ số VN-Index				Diễn biến tăng trưởng GDP			
	Đường cong lợi tức đảo ngược		Giai đoạn suy thoái		Đường cong lợi tức đảo ngược		Giai đoạn suy thoái	
Lần	Mức giảm lớn nhất (%)	Khoảng thời gian bắt đầu đảo ngược đến khi giảm lớn nhất (tháng)	Mức giảm lớn nhất (%)	Khoảng thời gian bắt đầu suy thoái đến khi giảm lớn nhất (tháng)	Mức tăng trưởng thấp nhất (%)	Khoảng thời gian bắt đầu đảo ngược đến khi giảm lớn nhất (Quý)	Quý tăng trưởng thấp nhất (%)	Khoảng thời gian bắt đầu suy thoái đến khi giảm lớn nhất (Quý)
Lần 4	0.00%	0	-19.92%	7	6.79	0	6.89	2
Lần 5	-0.22%	0	-74.79%	15	6.98	4	3.1	4
Lần 6	-1.01%	0	0.00%	0	6.98	0	1.42	5
Trung bình	-0.41%	0	-31.57%	7.33	6.92	1.33	3.80	3.67

*Ghi chú: Dữ liệu theo Quý, tốc độ tăng trưởng GDP svck năm trước nguồn FiinPro Nguồn: Bloomberg, FiinPro, BSC Reseach

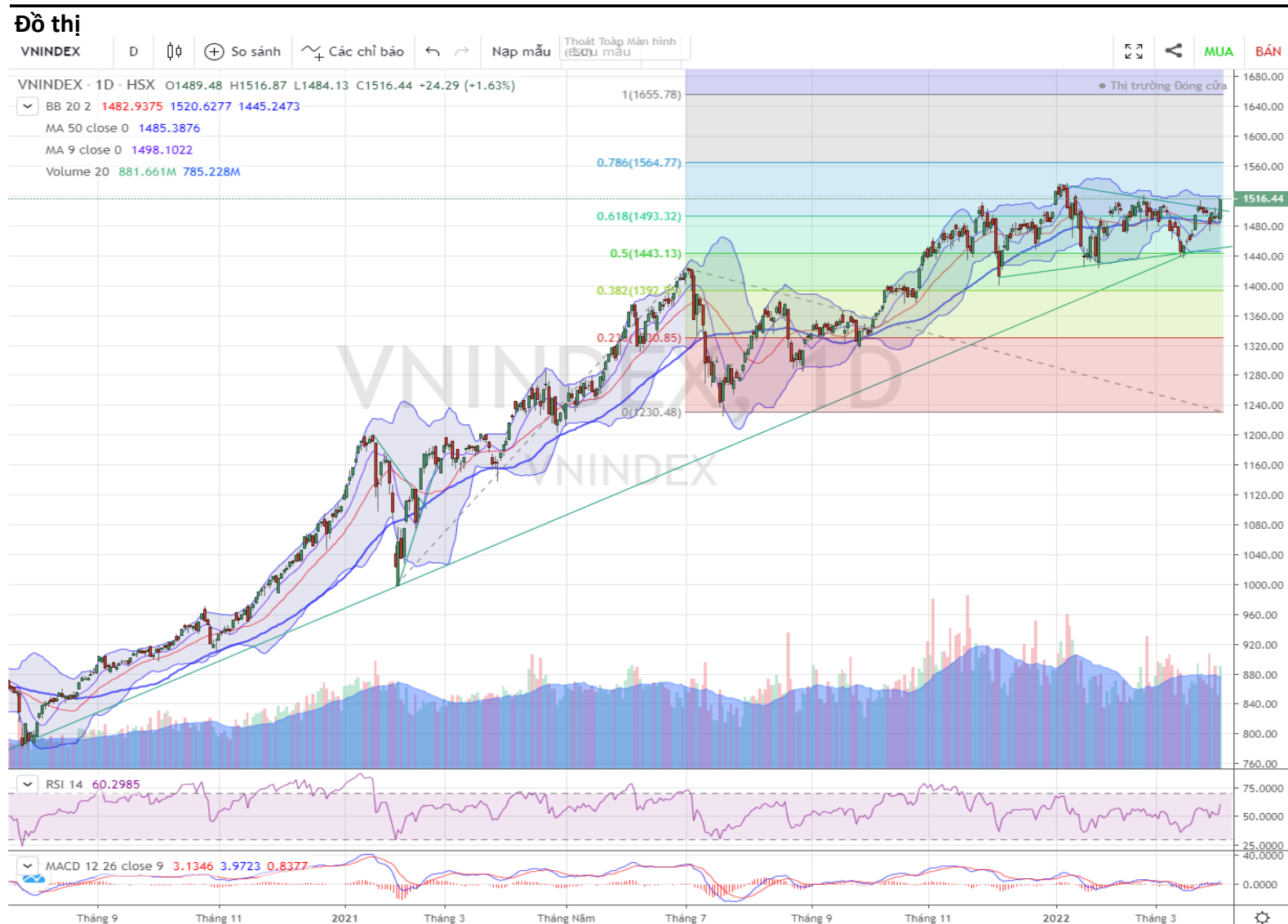
PTKT VN-INDEX: VN-Index bất ngờ vượt kênh kháng cự, tăng điểm trong nghi ngờ

Đồ thị ngày: Điệp khúc giao dịch linh xình sát ngưỡng cản 1,510 – 1,515 tiếp tục diễn ra trong tuần qua trước khi VN-Index có phiên giao dịch tăng điểm bất ngờ vượt qua kênh kháng cự. Đà tăng đang được hỗ trợ từ các cổ phiếu lớn và cây nến marubozu đang cho thấy sức mạnh áp đảo của bên mua trong bối cảnh tâm lý nghi ngờ hiện hữu trước nhiều thông tin bất lợi trong nước. Các chỉ báo kỹ thuật hồi phục, chỉ số giữ trên các đường SMA và dải bollinger band hướng lên cho cho thấy trạng thái tích cực phần nào đang trở lại.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- Chỉ báo RSI tăng từ 55 lên 60
- MACD tăng mở rộng so với ngưỡng 0.
- VN-Index tăng lại trên SMA20, SMA50 và SMA100

Nhận định: Sự trở lại của nhóm cổ phiếu lớn tuần qua trong bối cảnh tâm lý thị trường có phần chán nản trước một số thông tin tiêu cực là tín hiệu rất thú vị. VN-Index đang có phiên vận động tạo đà tốt để hướng tới kiểm tra lại đỉnh gần 1,530 điểm trong tuần tới cho dù hành trình còn tiềm ẩn nhiều điều bất ngờ. Các lớp cổ phiếu vận động khá tốt trước khi tiếp cận vùng đỉnh và đây là kỳ vọng sẽ tạo ra đột biến trong tuần tới.



Nguồn: BSC Research



TIN VĨ MÔ: GDP quý I tăng 5.03% so với cùng kỳ năm trước

VIỆT NAM:

- Số liệu mới được NHNN công bố cho thấy tổng phương tiện thanh toán toàn nền kinh tế tăng 2,59% trong tháng 1, tương đương cung tiền đã mở rộng thêm 346.643 tỷ đồng. Con số này gấp gần 3,8 lần quy mô cung tiền tăng thêm trong tháng 1/2021. Trong đó, lượng tiền mặt trong lưu thông tăng hơn 20%, tương đương mở rộng thêm 307.410 tỷ đồng. Qua đó, kéo tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán tăng từ 11,34% vào cuối năm 2021 lên 13,29%, cao nhất kể từ tháng 1/2019.
- Chính phủ vừa ban hành Nghị quyết 45/NQ-CP về việc thông qua đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về việc kéo dài thời hạn áp dụng Nghị quyết 42/2017/QH14 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng.
- Cả nước có gần 34.600 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tăng hơn 18% so với cùng kỳ 2021. Đặc biệt, 3 tháng đầu năm ghi nhận 25.600 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng gần 74% so với cùng kỳ năm trước, nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động lên 60.200.
- Chỉ số giá tiêu dùng tháng 3 tăng 0,7% so với tháng trước, tăng 1,91% so với tháng 12/2021 và tăng 2,41% so với cùng kỳ 2021. Tính chung quý I, chỉ số giá tiêu dùng tăng 1,92% so với cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, GDP quý I tăng 5,03% so với cùng kỳ năm trước. Con số vừa nêu cao hơn mức tăng trưởng quý I của 2021 và 2020 nhưng thấp hơn mức tăng 6,85% của quý I/2019.
- Việt Nam xuất siêu ước đạt 1,39 tỷ USD trong tháng 3 và xuất siêu 809 triệu USD trong quý I. Trong khi đó, tháng 2, Việt Nam nhập siêu 581 triệu USD. Kim ngạch xuất khẩu quý I ước đạt 88,58 tỷ USD, tăng gần 13% so với cùng kỳ năm trước. Ngược lại, kim ngạch xuất khẩu quý I năm 2022, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 87,77 tỷ USD, tăng gần 16% so với cùng kỳ năm trước.
- Theo Cục Hàng hải Việt Nam, 2 tháng đầu năm, hệ thống cảng biển Việt Nam tiếp nhận 16,397 lượt tàu biển. Trong đó, lượt tàu ngoại thông qua đạt 7,993 lượt, giảm 8%. Lượt tàu nội thông qua đạt 8,404 lượt, giảm 10% so với cùng kỳ 2021.

THẾ GIỚI:

- Nhà Trắng sẽ đề xuất áp thuế tối thiểu 20% với các hộ gia đình có thu nhập và giá trị tài sản gia tăng từ 100 triệu USD trở lên. Kế hoạch này sẽ giúp thu về ngân sách gần 360 tỷ USD trong 10 năm tới, theo thông tin được Nhà Trắng đưa ra trước khi công bố dự thảo ngân sách đầy đủ vào ngày 28/3. Con số này được đánh giá là nhiều gấp đôi so với số tiền thuế dự kiến thu được từ việc tăng thuế thu nhập từ 37% lên 39,6% đối với các cá nhân thu nhập cao.
- Thị trường trái phiếu Mỹ đang phát đi một tín hiệu cảnh báo về nền kinh tế nước này. Đó là “đường cong lãi suất đảo ngược” (inverted yield curve) – hiện tượng được các chuyên gia kinh tế xem là chỉ báo đáng tin cậy cho các giai đoạn suy thoái trong 60 năm qua. Đường cong lợi suất giữa trái phiếu kỳ hạn 5 năm và 30 năm đã đảo ngược, cho thấy nhà đầu tư trái phiếu đang lo ngại về triển vọng kinh tế trong dài hạn.
- Trong báo cáo mới cập nhật của Bộ Thương mại Mỹ về tăng trưởng kinh tế quý IV/2021, Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của nước này trong quý IV/2021 đạt mức 6.9%, giảm nhẹ so với dữ liệu ước tính được đưa ra hồi tháng 2 là 7%. Trong cả năm 2021, nền kinh tế Mỹ ghi nhận mức tăng trưởng 5.7%, mức tăng mạnh nhất kể từ năm 1984, sau khi chính phủ Mỹ tung ra các gói cứu trợ liên quan đến đại dịch trị giá gần 6,000 tỷ USD.
- Nhà Trắng thông báo sẽ giải phóng 1 triệu thùng dầu/ngày trong 6 tháng tới từ kho Dự trữ Dầu Chiến lược (SPR) – trong một nỗ lực làm dịu đà tăng giá dầu và khí đốt. Đây sẽ là lần thứ ba Mỹ phải dùng đến SPR trong vòng nửa năm và là đợt xả lớn nhất trong lịch sử gần 50 năm nay. SPR của Mỹ hiện có 568.3 triệu thùng, thấp nhất kể từ tháng 5/2002, Bộ Năng lượng Mỹ cho biết.

THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Kiểm tra đỉnh kỷ lục trong bối cảnh nhiều thông tin khó định đoán.
- Vận động của ngành xoay quanh xung đột Nga – Ukraine.
- Ngày 4/4, Khảo sát triển vọng kinh tế Canada; Đơn đặt hàng sản xuất Hoa Kỳ. 5/4, Biên bản chính sách tiền tệ NHTW Australia; PMI dịch vụ EU, Anh và Hoa Kỳ. 6/4, Dự trữ dầu thô Hoa Kỳ; PMI dịch vụ Trung Quốc. 7/4, Biên bản cuộc họp FOMC; Đơn xin trợ cấp thất nghiệp Hoa Kỳ; Doanh thu bán lẻ EU. 8/4, Niềm tin tiêu dùng Nhật Bản; Tỷ lệ thất nghiệp Hoa Kỳ.



CẬP NHẬT HIỆU SUẤT PTKT TUẦN

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa ngày báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
27/2/22	PHP	26.9	33	25.3	25.6	33	-4.83%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
20/2/22	ELC	23.5	28	21.75	27.5	40	17.02%	Cần nhắc không mua thêm (**)
11/2/22	IDJ	29.5	38.3	26.5	31.8	49	7.80%	Có thể tiếp tục mua
30/1/22	PVI	49.2	54	45	55.9	61	13.62%	Cần nhắc không mua thêm (**)
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt			(**) Tiệm cận giá mục tiêu			

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa ngày báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
27/2/22	DGW	120.9	141	110	TP	28	16.63%
20/2/22	PC1	37.65	44	35	TP	21	16.87%
2/11/22	TDC	26.55	31.7	24.1	SL	16	-9.23%
30/1/22	VND	69	76	64	TP	28	10.14%
30/1/22	FRT	87.7	100	81.5	TP	12	14.03%
26/12/21	MHC	15.1	18	14	SL	21	-7.28%
26/12/21	SGI	30.5	34.5	28	SL	12	-8.20%
12/12/21	TNG	32.8	37.5	30.2	SL	42	-7.93%
12/12/21	FRT	71.8	94	63	TP	12	30.92%
28/11/21	TLH	21.8	26.2	20.5	SL	63	-5.96%
28/11/21	LCG	20.05	26	18.7	SL	63	-6.73%
28/11/21	PPP	18.7	21.5	17.3	SL	14	-7.49%
28/11/21	LIG	17.8	22.8	16.2	SL	14	-8.99%
11/10/21	SRA	10.8	12.5	9.8	TP	44	15.74%
11/9/21	GIL	73.2	87	70.5	SL	17	-3.69%
11/8/21	VSC	41.25	48	40.1	SL	67	-2.79%

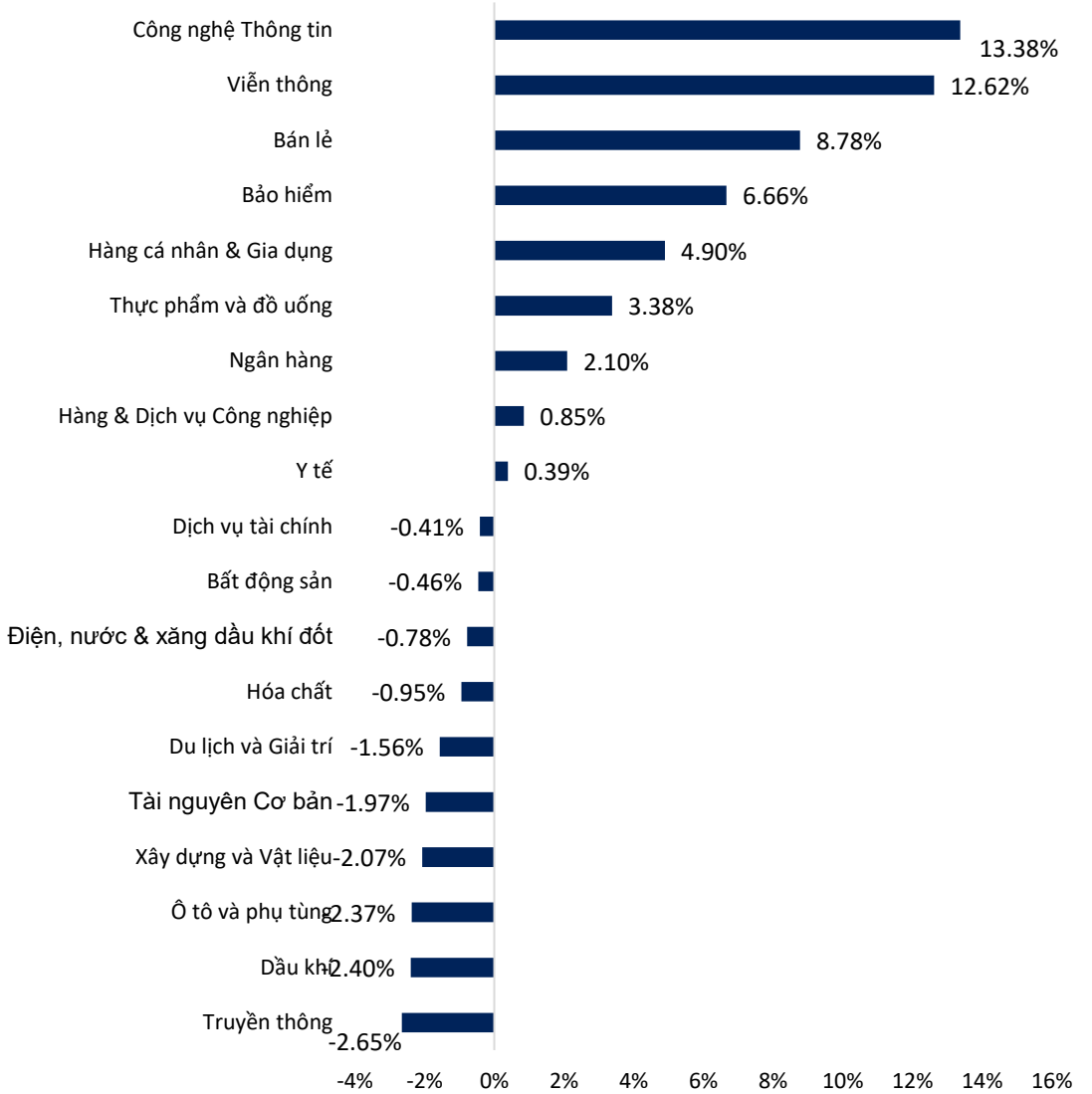
TP - Đã chốt lời				SL - Đã cắt lỗ		
Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất KN lãi	Hiệu suất KN lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình
Chưa chốt	3	1	12.81%	-4.83%	8.40%	46
Đã chốt	144	114	15.77%	-8.02%	5.26%	30



VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu			
Công nghệ Thông tin	3.21%	13.38%	16.72%	FPT	15.99%		
Viễn thông	9.35%	12.62%	21.07%	VGI	7.81%	FOX	6.36%
Bán lẻ	5.70%	8.78%	14.51%	MWG	12.31%	PNJ	8.32%
Bảo hiểm	2.20%	6.66%	9.24%	BVH	8.38%	PVI	5.67%
Hàng cá nhân & Gia dụng	2.60%	4.90%	8.72%	TCM	8.36%	TNG	2.42%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	99.27	-1.01%	-12.84%	-7.28%	PVD, PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	USD/bbl.	104.39	-0.31%	-11.06%	-3.60%	PVD, PVT	GAS, BSR
Xăng	USd/gal.	315.35	0.08%	-8.23%	-3.71%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	USD/oz.	1,925.68	-0.61%	-1.67%	-0.16%	PNJ	
Bạc	USD/oz.	24.63	-0.66%	-3.51%	-2.63%	PNJ	
Đậu tương	USd/bu.	1,582.75	-2.19%	-7.46%	-4.83%	DBC, QNS	HKB
Lúa mì	USd/bu.	984.50	-2.14%	-10.68%	-7.03%	AFX	
Sữa	USD/cwt	24.55	0.33%	-1.84%	6.42%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	259.40	0.74%	1.21%	0.97%	DPR, PHR, HAG, HNG	SRC, CSM, DRC
Đường	USd/lb.	19.37	-0.62%	-1.22%	3.92%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS, QNS
Cà phê	USd/lb.	228.40	0.88%	2.95%	-0.35%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/MT	10,353.50	-0.21%	0.84%	1.84%	MSN, ACM, BGM	CAV, SAM, TGP, VTH
Thép	CNY/MT	5,109.00	0.95%	0.95%	9.24%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC
Nhôm	USD/MT	3,450.00	-1.17%	-4.30%	-3.33%	CAV, SAM, TGP, VTH	
Quặng sắt	CNY/MT	907.00	1.34%	1.34%	25.10%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/MT	258.75	-0.10%	-2.06%	-41.98%	HT1, BCC, PPC, POW	HLC, NBC, TNT, THT
Thép HRC	CNY/MT	829.02	0.44%	0.44%	6.38%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research



VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% tăng	Điểm số
FPT	15.99%	3.53
VNM	8.64%	3.46
MWG	12.31%	3.10
VPB	5.03%	2.12
MBB	4.72%	1.44
VIB	7.64%	1.34
SAB	4.95%	1.27
BID	2.07%	1.16
VIC	1.36%	1.07
CTG	2.64%	1.04
Tổng		19.54

Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% giảm	Điểm số
HPG	-1.51%	-0.80
STB	-4.31%	-0.70
FLC	-25.68%	-0.68
DIG	-4.51%	-0.59
NVL	-1.20%	-0.49
GAS	-0.90%	-0.49
BCM	-1.89%	-0.37
DPM	-5.09%	-0.37
ROS	-26.62%	-0.36
POW	-3.61%	-0.36
Tổng		-5.19

Khối ngoại mua ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
DGC	760.57	13.42
VNM	376.71	53.93
EIB	145.68	30.00
VRE	118.56	30.35
DXG	108.13	29.91
HDB	107.17	15.87
QNS	105.97	17.85
NKG	105.05	9.90
KDH	104.00	32.90
STB	88.36	20.76
Tổng	2,020.20	

Khối ngoại bán ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
HPG	-380.21	22.13
VHM	-255.65	23.77
VIC	-117.75	12.58
MSN	-95.23	28.40
E1VFN3	-95.21	
DGW	-82.05	26.94
VCB	-62.90	23.65
DHC	-58.35	32.92
VCI	-51.95	18.93
PVD	-49.20	5.89
Tổng	-1248.52	

Vận động cổ phiếu VN30			
Mã	RS-Ratio	RS-Mom'	12W%Δ
PLX	101.881	102.0408	0.18%
VJC	102.5965	104.7956	11.83%
PNJ	102.9272	104.7495	26.47%
VRE	104.0911	100.387	11.64%
BID	116.2441	102.6202	14.16%
CTG	101.8866	100.5679	-0.75%
MBB	106.6549	104.8825	17.05%
VCB	104.6067	102.6158	4.15%
GAS	102.4951	102.7599	7.55%
STB	108.8363	101.9412	5.57%
BVH	95.88255	101.8978	15.90%
FPT	96.26428	102.5922	18.59%
SAB	98.422	103.269	9.73%
HPG	90.69049	102.2126	0.00%
ACB	99.10637	101.8374	1.21%
TCB	96.95082	101.8392	2.03%
VPB	98.11195	103.0011	9.04%
POW	110.3121	94.25662	-8.31%
KDH	104.9621	98.57836	2.88%
MWG	100.0298	99.92389	17.29%
TPB	109.5712	96.33394	1.98%
HDB	100.2531	98.51921	-0.51%
VHM	94.05531	99.5539	-6.62%
VNM	91.78454	99.45701	-2.39%
PDR	96.34793	99.60439	-0.86%
MSN	97.75549	97.52503	-4.25%
NVL	94.55722	98.15146	-4.29%
VIC	88.86662	95.30438	-19.75%
GVR	89.70321	98.08454	-8.36%
SSI	95.75183	94.13269	-18.44%

Hồi
phục

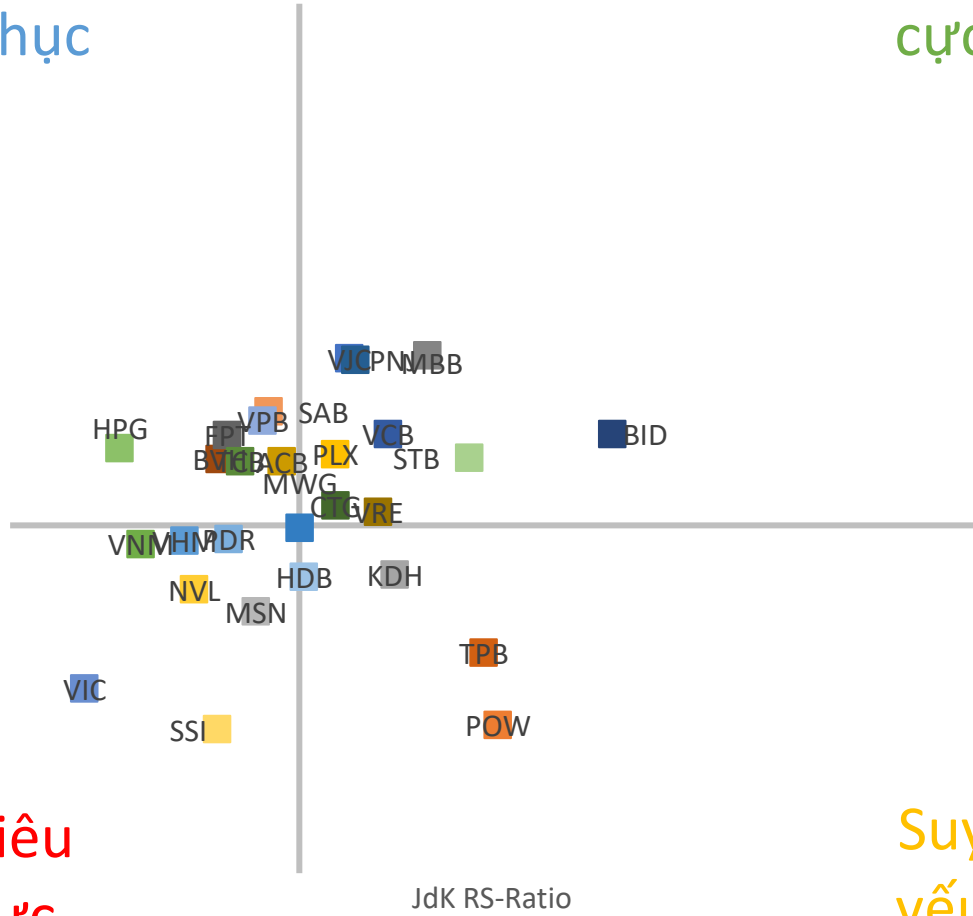
Tích
cực

JdK RS-Momentum

Tiêu
cực

Suy
yếu

CP VN30 vs. VN-Index



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

- Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc
- Tích cực → nên trong danh sách mua
 - Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
 - Tiêu cực → nên trong danh sách tránh
 - Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng



DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

Vận động khối ngoại trên sàn HSX				ETF	AUM (tr. USD)	NAV/CP (USD)	± Chứng chỉ quỹ	% Premium	Dòng vốn ròng (tr. USD)		
	Ngày	Tuần	Tháng						1W	1M	3M
Giá trị mua	1,705.46	7,376.33	32,780.03	VNM	506.18	19.03	0.00	-0.84%	-0.95	-20.13	-20.87
Giá trị bán	1,291.09	6,560.58	36,339.69	FTSE	358.05	43.61	0.00	-1.49%		-5.71	-9.11
Mua / bán ròng	414.38	815.76	-3,559.65	iShare	483.11	0.00	0.00	0.00%	-5.00	-8.26	-8.46
				E1VFN30	407.50	1.12	-0.30	-0.93%	-6.6	-30.6	-60.8
				FUEVFN30	683.71	1.32	2.51	-0.27%	18.2	20.2	31.7
				FUBON FTSE	495.42	0.59	0.00	0.18%	0.0	6.6	57.4
				FUESSVFL	154.35	0.97	-0.80	-0.22%	-5.1	-9.0	4.5
				FUESSVN30	4.77	0.82	0.00	-0.47%	0.0	0.0	0.1
				FUEMAVN30	29.90	0.78	0.00	-0.87%	0.0	0.0	0.0
				VN100	8.50	0.88	0.00	-0.23%	0.00	0.87	2.36
				KIM	178.25	19.17	0.00	0.15%	0.00	0.00	
				PREMIA	29.16	12.36	0.00	-0.18%	0.00	0.00	0.52

Nhận định: Các ETF giao dịch trái chiều. ETF Diamond tăng mạnh quy mô trong khi ETF VNM, iShare, E1, Finlead giảm quy mô. Khối ngoại quay lại mua ròng tại nhiều nước trong khu vực.

Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research



PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

PDR

92.7

Upside 12.19%

CTCP Phát triển BĐS
Phát Đạt

Xu hướng hiện tại

Hồi phục

Khuyến nghị
kỹ thuật

Khả quan

Giá mục tiêu

104

Giá cắt lỗ

87.7

Kháng cự

94-96

Hỗ trợ

88-90

MACD

↑

RSI

↑

Moving Average

↑

Thanh khoản

↑



Nguồn: BSC Research

DRC

35.6

Upside 15.17%

CTCP Cao su Đà Nẵng

Xu hướng hiện tại

Tăng giá

Khuyến nghị
kỹ thuật

Khả quan

Giá mục tiêu

41

Giá cắt lỗ

33.5

Kháng cự

36-38

Hỗ trợ

33.8-34.5

MACD

↑

RSI

↑

Moving Average

↑

Thanh khoản

↑



Nguồn: BSC Research



KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

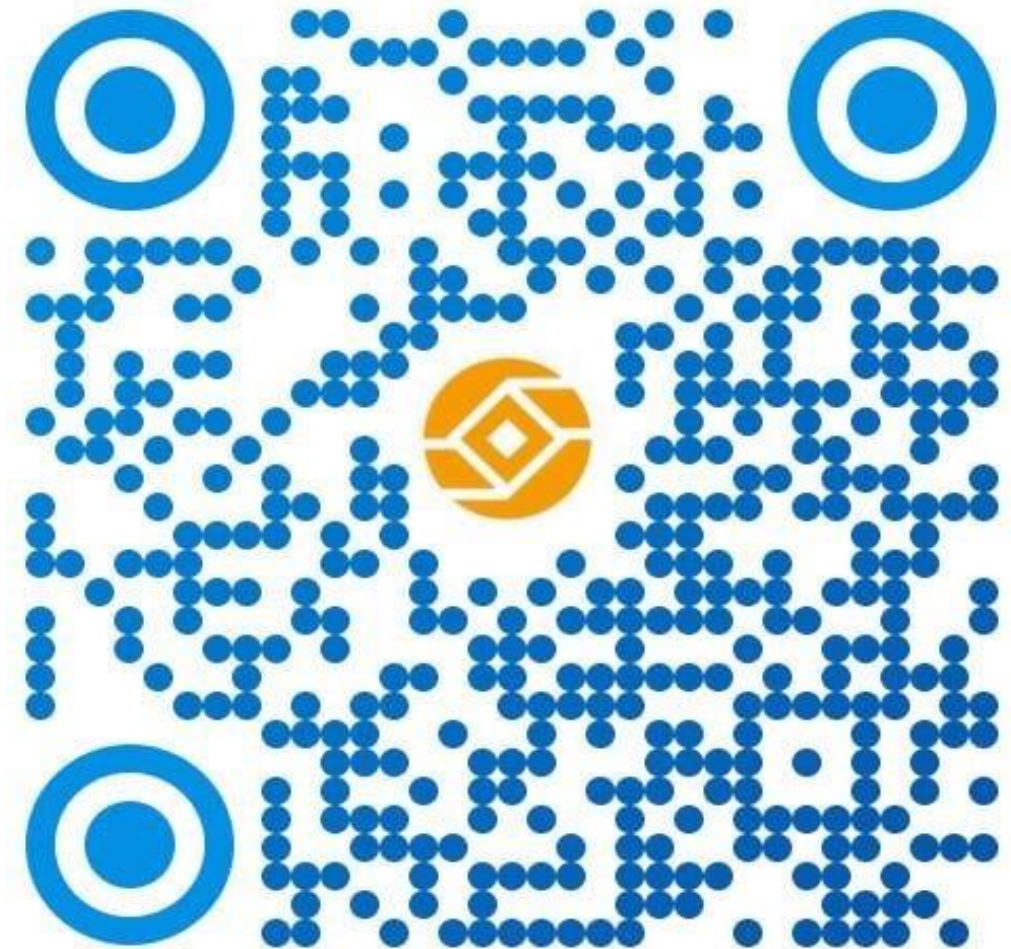
Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký

